

Số: 617/QĐ-HĐTS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học  
hình thức đào tạo chính quy năm 2026**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026**

Căn cứ Quyết định số 1435/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-ĐHKT ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1403/QĐ-ĐHKT ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-ĐHKT ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung thành viên Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, áp dụng cho tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026.

**Điều 3.** Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, thành viên Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 và các đơn vị thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- HĐTS ĐH chính quy năm 2026;
- Ban Kiểm tra tuyển sinh;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.NTQN.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH**

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
**HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS.KTS. Phạm Trọng Thuật

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

(Kèm theo Quyết định số 617/QĐ-HĐTS ngày 29 tháng 5. năm 2026  
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: KTS

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Trụ sở chính: 196 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các cơ sở khác:

+ Cơ sở tại 48 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ sở tại 134 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ sở tại Thành phố Cần Thơ: Khu dân cư lô số 49, Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ, Phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

+ Cơ sở tại Thành phố Đà Lạt: 20 Hùng Vương, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://uah.edu.vn>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh

- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:

<https://uah.edu.vn/quyet-dinh-so-357qd-dhkt-ngay-19032026-ve-viec-ban-hanh-quy-che-tuyen-sinh-cac-nganh-dao-cao-trinh-do-dai-hoc-cua-truong-dai-hoc-kien-truc-thanh-pho-ho-chi-minh>

- Địa chỉ công khai Đề án thi các môn năng khiếu:

<https://uah.edu.vn/quyet-dinh-so-41qd-hdts-ngay-14012026-ve-viec-ban-hanh-de-an-to-chuc-thi-cac-mon-nang-khieu-nam-2026>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Trong giờ hành chính: (028) 38 222 748 (số nội bộ 134, 135) hoặc 0326180575.

- Hotline: 0868671010.

## **7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**

- Địa chỉ công khai chương trình đào tạo, ngành đào tạo: <https://uah.edu.vn/dao-tao?he-dao-tao=dai-hoc>

- Địa chỉ công khai đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, quy mô đào tạo tỉ lệ sinh viên có việc làm: <https://uah.edu.vn/bao-cao-3-cong-khai>

- Địa chỉ công khai Kế hoạch tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh: <https://uah.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy>

## **II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

### **1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

#### **1.1. Người dự tuyển:**

Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật.

#### **1.2. Điều kiện dự tuyển**

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Mục 3.1.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

### **2. Mô tả phương thức tuyển sinh**

Trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng các phương thức xét tuyển sau đây:

#### **2.1. Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Mã phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 301.

- Tên phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8).

- Hình thức tuyển sinh:

+ Đối với các ngành khối A, C, D: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và thuộc đối tượng xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh được quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh Trường.

+ Đối với các ngành khối V, H: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và thuộc đối tượng xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh được quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh Trường kết hợp với xét điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026.

## **2.2. Phương thức 2 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026**

- Mã phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 100.

- Tên phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Hình thức tuyển sinh:

+ Đối với các ngành khối A, C, D: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và có điểm thi các môn trong tổ hợp xét tuyển tại kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026.

+ Đối với các ngành khối V, H: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và có điểm thi các môn trong tổ hợp xét tuyển tại kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026 kết hợp với xét điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026.

## **2.3. Phương thức 3 - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2026 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

- Mã phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 402.

- Tên phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.

- Hình thức tuyển sinh:

+ Đối với các ngành khối A, C, D: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2026 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

+ Đối với các ngành khối V, H: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2026 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kết hợp với xét điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026.

### **3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

#### **3.1. Ngưỡng đầu vào các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh**

- Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả trong kỳ thi trung học phổ thông hoặc kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026 để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo. Ngưỡng đầu vào được quy đổi về thang điểm 30 sau khi được quy đổi tương đương theo một quy tắc bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo tương ứng.

- Căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026, kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực đợt 1 và đợt 2 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026, các yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng đối với thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026, bên cạnh đạt ngưỡng đầu vào các các chương trình đào tạo, thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo mà tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu (khối V, H) phải có điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ trợ các môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026 đạt từ 5,0 trở lên.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển ngành Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh) phải có chứng chỉ tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tham khảo Phụ lục 3).

#### **3.2. Điểm xét tuyển theo các phương thức**

**3.2.1. Phương thức 2 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026**

- Đối với các ngành khối A, C, D: Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn Toán + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm thi THPT môn 3) + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

- Đối với các ngành khối V: Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn Toán x 1,5 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm môn Vẽ Mỹ thuật x 2) x 2/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

- Đối với ngành khối H (ngành Thiết kế công nghiệp): Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn Toán x 1,5 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm môn Vẽ Trang trí màu x 2) x 2/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

- Đối với các ngành khối H (Ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang): Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn Văn x 1,5 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm môn Vẽ Trang trí màu x 2) x 2/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

### **3.2.2. Phương thức 3 - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2026 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

- Căn cứ trên Khung quy đổi điểm thi Đánh giá năng lực về điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, Hội đồng tuyển sinh sẽ lựa chọn bảng quy đổi tương đương sang tổ hợp môn phù hợp để tính điểm xét tuyển theo thang 30. Đối với các chương trình đào tạo mà tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu, điểm xét tuyển sẽ được tính sau khi quy đổi tương đương từ điểm Đánh giá năng lực sang điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông như sau:

Điểm xét tuyển = (Điểm đánh giá năng lực quy đổi tương đương thang 30 x 5/6 + Môn năng khiếu x 2) x 2/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

#### **Lưu ý:**

- Ngoại trừ các chương trình đào tạo tuyển sinh theo các tổ hợp khối A, C, D (3 ngành Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng), các chương trình đào tạo còn lại xét tuyển theo các phương thức xét tuyển nêu trên kết hợp với kết quả thi bổ sung các môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026.

- Riêng ngành Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh, học phí tương ứng) có yêu cầu năng lực tiếng Anh đầu vào trước khi xét tuyển.

### **3.3. Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

- Điểm xét tuyển của thí sinh là điểm cao nhất của điểm xét tuyển tất cả phương thức xét tuyển mà thí sinh đăng ký theo ngành, chương trình đào tạo, được quy đổi về thang điểm 30 sau khi được quy đổi tương đương theo một quy tắc bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo tương ứng.

- Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh được xác định theo nguyên tắc:

+ Sử dụng dữ liệu điểm thi tốt nghiệp Trung học phổ thông làm gốc để xây dựng quy tắc quy đổi;

+ Căn cứ dữ liệu thống kê, phân tích kết quả học tập của sinh viên đã trúng tuyển theo các tổ hợp các năm trước; cụ thể: thống kê số lượng thí sinh trúng tuyển theo các năm 2023, 2024, 2025; kết quả học tập của từng sinh viên này tại Trường;

+ Dựa theo quy tắc khung quy đổi tương đương, theo quy tắc quy đổi chung và hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác định quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển.

- Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào và điểm trúng tuyển sẽ được công bố sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026, kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực đợt 2 của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 và theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
I	Tại Thành phố Hồ Chí Minh				1.405		
A	Chương trình chuẩn				1.180		
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	345	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp A00 - A01 - C01) - Phương thức 3	
2	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành: Cấp thoát nước - Môi trường; Năng lượng - Thông tin; Giao thông - Sân nền)	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	100	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp A01 - D01 - D07) - Phương thức 3	
3	7580302	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	75	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp A00 - A01 - C01) - Phương thức 3	
4	7580101	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	250	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
5	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	70	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
6	7580102	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Kiến trúc cảnh quan	75	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
7	7580108	Thiết kế nội thất	7580108	Thiết kế nội thất	55	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
8	7210110	Mỹ thuật đô thị	7210110	Mỹ thuật đô thị	50	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
9	7210402	Thiết kế công nghiệp	7210402	Thiết kế công nghiệp	50	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp H01 - H02) - Phương thức 3	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
10	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	70	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp H01 - H06) - Phương thức 3	
11	7210404	Thiết kế thời trang	7210404	Thiết kế thời trang	40	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp H01 - H06) - Phương thức 3	
<b>B</b>	<b>Chương trình Định hướng Quốc tế</b>				<b>200</b>		
12	7580201QT	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	40	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp A00 - A01 - C01) - Phương thức 3	
13	7580210QT	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành: Cấp thoát nước - Môi trường)	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp A01 - D01 - D07) - Phương thức 3	
14	7580101QT	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	40	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
15	7580105QT	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
16	7580108QT	Thiết kế nội thất	7580108	Thiết kế nội thất	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
17	7210403QT	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp H01 - H06) - Phương thức 3	
<b>C</b>	<b>Chương trình tiên tiến (Có yêu cầu năng lực Tiếng Anh đầu vào)</b>				<b>25</b>		
18	7580110	Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến)	7580110	Thiết kế đô thị	25	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
<b>II</b>	<b>Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ</b>				<b>90</b>		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
19	7580201CT	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp A00 - A01 - C01) - Phương thức 3	
20	7580101CT	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
21	7580108CT	Thiết kế nội thất	7580108	Thiết kế nội thất	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
<b>III</b>	<b>Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt</b>				<b>60</b>		
22	7580201DL	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp A00 - A01 - C01) - Phương thức 3	
23	7580101DL	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	30	- Phương thức 1 - Phương thức 2 (Tổ hợp V00 - V01 - V02) - Phương thức 3	
	<b>Tổng</b>				<b>1.555</b>		

## 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

### 5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành có điểm xét tuyển ngang nhau (đã cộng điểm ưu tiên và điểm cộng), bằng điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, sẽ ưu tiên xét trúng tuyển thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, ưu tiên xét trúng tuyển đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

### 5.2. Điểm cộng

#### 5.2.1. Điểm cộng đối với thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên)

Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và đạt ngưỡng đầu vào được cộng điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích, bao gồm:

- *Điểm thưởng*: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế, quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển; môn đạt giải phải là môn trong tổ hợp xét tuyển chương trình đào tạo thí sinh dự tuyển (*Xem Phụ lục 1*).

- *Điểm xét thưởng*: Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; đạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia; đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức (không bao gồm các kỳ thi Olympic, kỳ thi giải toán trên máy tính cầm tay); thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển; môn đạt giải phải là môn trong tổ hợp xét tuyển hoặc môn thi, nội dung đề tài dự thi đã đạt giải phải phù hợp chương trình đào tạo thí sinh dự tuyển (*Xem Phụ lục 1*).

- *Điểm khuyến khích*: Thí sinh có chứng chỉ Quốc tế bao gồm chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế tương đương Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*Xem Phụ lục 2*) hoặc chứng chỉ SAT từ 1200 trở lên và còn hạn đến thời gian đăng ký xét tuyển được cộng 0,5 điểm.

#### 5.2.2. Điều kiện xét điểm cộng

- Thí sinh phải đăng ký theo hình thức trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường [www.tuyensinh.uah.edu.vn](http://www.tuyensinh.uah.edu.vn) và nộp hồ sơ minh chứng xét điểm cộng trực tiếp tại Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh theo thời gian quy định (để Trường có thông tin và cơ sở dữ liệu xét tuyển trên hệ thống chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hồ sơ bao gồm:

+ Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đạt giải học sinh giỏi từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

+ Bản sao công chứng Chứng chỉ Quốc tế.



- Thí sinh **không** đăng ký, kê khai thông tin và nộp Hồ sơ theo thời gian quy định sẽ **không** đủ điều kiện xét điểm cộng.

- Điểm cộng tối đa đối với mỗi thí sinh là 3,0 điểm.

**5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (cơ sở đào tạo tuyển sinh theo nhóm ngành):** Không có

**5.4. Các thông tin khác**

TT	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
<b>I</b>	<b>Tại Thành phố Hồ Chí Minh</b>			
<b>A</b>	<b>Chương trình chuẩn</b>			
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01
2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành: Cấp thoát nước - Môi trường; Năng lượng - Thông tin; Giao thông - San nền)	7580210	Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Văn - Tiếng Anh	D01
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
3	Quản lý xây dựng	7580302	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01
4	Kiến trúc	7580101	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
5	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
6	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
7	Thiết kế nội thất	7580108	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01

TT	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
8	Mỹ thuật đô thị	7210110	Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
9	Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H02
10	Thiết kế đồ họa	7210403	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01
			Văn - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H06
11	Thiết kế thời trang	7210404	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01
			Văn - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H06
<b>B</b>	<b>Chương trình Định hướng Quốc tế</b>			
12	Kỹ thuật xây dựng	7580201QT	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01
13	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành: Cấp thoát nước - Môi trường)	7580210QT	Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Văn - Tiếng Anh	D01
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
14	Kiến trúc	7580101QT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
15	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105QT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
16	Thiết kế nội thất	7580108QT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
17	Thiết kế đồ họa	7210403QT	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01
			Văn - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H06
<b>C</b>	<b>Chương trình tiên tiến (Có yêu cầu năng lực Tiếng Anh đầu vào)</b>			
18	Thiết kế đô thị	7580110	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01

TT	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
<b>II Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ</b>				
19	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01
20	Kiến trúc	7580101CT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
21	Thiết kế nội thất	7580108CT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
<b>III Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt</b>				
22	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01
23	Kiến trúc	7580101DL	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02

## 6. Tổ chức tuyển sinh

### 6.1. Thời gian dự kiến

#### 6.1.1. Tổ chức thi các môn năng khiếu

Năm 2026, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ tổ chức **duy nhất 01 đợt** thi các môn năng khiếu, bao gồm môn Vẽ Mỹ thuật và Vẽ Trang trí màu:

- Đăng ký trực tuyến: Từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 29/4/2026.

- Ngày thi: Dự kiến ngày 30 - 31/5/2026.

- Địa điểm thi: Tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*Lưu ý: Thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế*

#### 6.1.2. Đăng ký xét tuyển thẳng

- Thời gian đăng ký xét tuyển trực tuyến tại trang [www.tuyensinh.uah.edu.vn](http://www.tuyensinh.uah.edu.vn): Từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 20/6/2026.

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển bản giấy: Từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 20/6/2026

### 6.1.3. Đăng ký thông tin xét tuyển ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Các thông tin ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Thông tin xét điểm cộng (điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích), chứng chỉ Tiếng Anh đạt ngưỡng đầu vào xét tuyển ngành Thiết kế đô thị.

- Thời gian đăng ký Thông tin xét tuyển trực tuyến tại trang [www.tuyensinh.uah.edu.vn](http://www.tuyensinh.uah.edu.vn): Từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 21/6/2026.

- Thời gian nộp hồ sơ Thông tin xét tuyển bản giấy: Từ ngày 22/6/2026 đến 16 giờ 30 ngày 26/6/2026.

*Ghi chú: Thí sinh thực hiện việc đăng ký thông tin để Hội đồng tuyển sinh tổng hợp dữ liệu xét tuyển đối với Phương thức 2 và Phương thức 3, xét điểm cộng hoặc xét ngưỡng đầu vào Tiếng Anh đối với ngành Thiết kế đô thị. Thí sinh không thực hiện đăng ký thông tin sẽ không đủ điều kiện để xét tuyển theo Phương thức 2 và Phương thức 3, xét điểm cộng hoặc xét ngưỡng đầu vào Tiếng Anh đối với ngành Thiết kế đô thị. Việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển phải thực hiện trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chi tiết các nội dung được cụ thể và hướng dẫn theo các Thông báo riêng.*

### 6.1.4. Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tất cả thí sinh dự tuyển vào các chương trình đào tạo thuộc Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh đều phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia, kể cả thí sinh đã nộp Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng tại Trường hoặc chỉ xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2026 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian đăng ký xét tuyển đợt 1: Từ ngày 02/7/2026 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026 (theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thời gian nộp lệ phí xét tuyển: Từ ngày 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 21/7/2026.

- Công bố kết quả xét tuyển đợt 1: Hoàn thành trước 17 giờ ngày 13/8/2026 (theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Xác nhận nhập học: Trước 17 giờ 00 ngày 21/8/2026 tất cả thí sinh trúng tuyển (kể cả thí sinh trúng tuyển thẳng) phải xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống (nếu có nguyện vọng theo học).

### 6.1.5. Xét tuyển đợt bổ sung

- Dự kiến từ 22/8/2026.

*Ghi chú: Trong kỳ thi tuyển sinh đại học năm 2024 và 2025 Nhà trường không xét tuyển bổ sung.*

## **6.2. Các điều kiện xét tuyển**

- Thí sinh đủ tiêu chuẩn đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo từng phương thức xét tuyển, đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026, bên cạnh đạt ngưỡng đầu vào các ngành theo từng phương thức, thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

- Điểm xét tuyển của thí sinh là điểm cao nhất theo tất cả các phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển mà thí sinh đăng ký theo từng chương trình đào tạo được quy đổi tương đương về thang điểm 30 sau khi đã cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và điểm cộng (điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích).

- Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.

- Đối với tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ (Tiếng Anh), Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ sử dụng điểm môn Tiếng Anh từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026 (theo Phương thức 2), không quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thành điểm môn Tiếng Anh trong các tổ hợp xét tuyển.

- Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương về phương thức chuẩn (Phương thức 2 theo điểm thi tốt nghiệp Trung học phổ thông), không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại Mục 5.1.

- Điểm xét tuyển phương thức 3 chỉ được làm tròn 01 (một) lần đến 02 (hai) chữ số thập phân sau khi quy đổi tương đương về phương thức chuẩn (phương thức 2).

- Điểm trúng tuyển vào mỗi ngành sẽ được xét theo nguyên tắc lấy từ thí sinh có điểm xét tuyển lớn nhất trở xuống không phân biệt nguyện vọng cho đến hết chỉ tiêu của mỗi ngành (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh và điểm cộng theo Quy định của Nhà trường).

- Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển 01 nguyện vọng cao nhất, không được xét tuyển nguyện vọng tiếp theo.

- Các ngành tại các cơ sở đào tạo của Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh có điểm chuẩn trúng tuyển bằng nhau.

- Thí sinh phải đăng ký thông tin tuyển sinh ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Thông tin xét điểm cộng (điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích), chứng chỉ Tiếng Anh đạt ngưỡng đầu vào xét tuyển ngành Thiết kế đô thị theo hình thức trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường <https://tuyensinh.uah.edu.vn> và nộp hồ sơ minh chứng trực tiếp tại Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh (để Trường có thông tin và cơ sở dữ liệu xét tuyển trên hệ thống chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Các trường hợp sau đây thí sinh không đủ điều kiện xét tuyển nếu:

+ Thí sinh **không** đăng ký và kê khai thông tin ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Thông tin xét điểm cộng (điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích) sẽ **không** đủ điều kiện xét điểm cộng.

+ Thí sinh **không** đăng ký và kê khai thông tin chứng chỉ Tiếng Anh đáp ứng ngưỡng đầu vào, chứng chỉ tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tham khảo Phụ lục 3), sẽ **không** đủ điều kiện xét tuyển ngành Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh).

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông các năm từ năm 2025 trở về trước không tham gia kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026 và có đăng ký xét tuyển theo điểm Đánh giá năng lực năm 2026 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức vẫn phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời gian quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Trường được xét tuyển thí sinh khác bổ sung.

## 7. Chính sách ưu tiên

### 7.1. Đối tượng xét tuyển thẳng

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo do Trường quy định..

- Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp trung học phổ thông của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

+ Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp trung học phổ thông, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ trung học phổ thông, trung học nghề

của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ.

+ Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

+ Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải phải phù hợp với chương trình đào tạo đăng ký xét tuyển và thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng.

- Thí sinh dự tuyển vào các chương trình đào tạo mà tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu (khối V hoặc khối H) phải có điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung các môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026 đạt từ 5,0 trở lên.

## **7.2. Ưu tiên theo khu vực**

Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục 4:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

- Chính sách ưu tiên theo khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc trung cấp, trung học nghề) năm 2025 và 2026.

## **7.3. Ưu tiên theo đối tượng chính sách**

Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục 5:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm.

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

#### 7.4. Cách tính điểm ưu tiên

- Điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số).

- Điểm ưu tiên được cộng vào điểm xét tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau: **Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại Mục 7.2 và Mục 7.3.**

#### 8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

**8.1. Lệ phí xử lý dữ liệu ngoài dữ liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp: 30.000 đồng/hồ sơ.** Lệ phí dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ đăng ký thông tin, lệ phí không hoàn lại. Bao gồm:

- Hồ sơ điểm cộng (điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích).
- Hồ sơ Đăng ký thông tin đạt ngưỡng đầu vào Tiếng Anh đối với ngành Thiết kế đô thị.

**8.2. Lệ phí xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** chỉ nộp trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định và hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; **không** nộp cho Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

**8.3. Lệ phí thi môn năng khiếu năm 2026: 500.000 đồng/môn thi.** Lệ phí thi dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ dự thi, lệ phí không hoàn lại.

**8.4. Hình thức nộp lệ phí:** Chuyển khoản theo tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh**

Số tài khoản: **110000006019** - tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VIETINBANK) - Chi nhánh 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung chuyển khoản: Tùy theo môn năng khiếu dự thi, hồ sơ xét thông tin, thí sinh ghi nội dung chuyển khoản theo cú pháp:

- Đăng ký thi các môn năng khiếu: **Số CCCD-Họ và tên thí sinh-MT-TTM**
- Đăng ký thông tin xét tuyển: **Số CCCD-Họ và tên thí sinh-TTXT**

**Ghi chú:** MT: môn *Vẽ Mỹ thuật*, TTM: môn *Vẽ Trang trí màu*, TXT: *Thông tin xét tuyển*.

#### 9. Cam kết của Trường đối với thí sinh

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh cam kết thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn, hướng dẫn thí sinh; thực hiện các biện pháp kỹ thuật để hạn chế thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót khách quan trong tuyển sinh.

- Tuân thủ quy trình xét tuyển, bảo đảm xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố.

- Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển.

- Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kết quả kỳ thi độc lập trong xét tuyển đại học

## 10. Nội dung khác

### 10.1. Các chương trình đào tạo tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã xét tuyển
<b>A</b>	<b>Chương trình chuẩn</b>	
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201
2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210
3	Quản lý xây dựng	7580302
4	Kiến trúc	7580101
5	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105
6	Kiến trúc cảnh quan	7580102
7	Thiết kế nội thất	7580108
8	Mỹ thuật đô thị	7210110
9	Thiết kế công nghiệp	7210402
10	Thiết kế đồ họa	7210403
11	Thiết kế thời trang	7210404
<b>B</b>	<b>Chương trình Định hướng Quốc tế</b>	
12	Kỹ thuật xây dựng	7580201QT
13	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210QT
14	Kiến trúc	7580101QT
15	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105QT
16	Thiết kế nội thất	7580108QT
17	Thiết kế đồ họa	7210403QT
<b>C</b>	<b>Chương trình tiên tiến</b>	

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã xét tuyển
18	Thiết kế đô thị	7580110

### 10.2. Cơ sở đào tạo tại Thành phố Cần Thơ

- Tên cơ sở: **Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ - Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Địa chỉ: Cơ sở tại Thành phố Cần Thơ: Khu dân cư lô số 49, Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ, Phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

- Các chương trình đào tạo tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ:

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã xét tuyển
1.	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT
2.	Kiến trúc	7580101CT
3.	Thiết kế nội thất	7580108CT

### 10.3. Cơ sở đào tạo tại Thành phố Đà Lạt

- Tên cơ sở: **Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt - Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Địa chỉ: 20 Hùng Vương, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Các chương trình đào tạo tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt:

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã xét tuyển
1.	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL
2.	Kiến trúc	7580101DL

### 10.4. Chính sách học bổng và miễn giảm học phí

#### 10.4.1. Học bổng khuyến khích học tập

Học bổng Khuyến khích học tập được cấp hàng năm theo từng học kỳ dành cho sinh viên có kết quả học tập và kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên. Nguồn kinh phí được trích từ nguồn thu học phí của sinh viên bậc đại học hệ chính quy của Trường và được bố trí bằng 8% nguồn thu học phí đó trong năm học.

#### 10.4.2. Học bổng ngoài ngân sách (Học bổng tài trợ)

Hàng năm, Nhà trường vận động các tổ chức, cá nhân tài trợ các suất học bổng, trợ cấp cho sinh viên cũng như mời các nhà tài trợ đồng hành cùng các hoạt động về nghiên cứu khoa học, học thuật, chương trình tình nguyện, công tác xã hội, phục vụ cộng đồng cho sinh viên Trường.

**10.4.3. Chính sách miễn giảm học phí:** Miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc các đối tượng chính sách theo quy định của Nhà nước.

### 10.5. Chính sách khen thưởng

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khen thưởng thường xuyên, kịp thời đối với cá nhân và tập thể lớp sinh có thành tích cần biểu dương, khen thưởng:

### **10.5.1. Khen thưởng định kỳ**

- Khen thưởng sinh viên Thủ khoa đầu vào Tuyển sinh đại học hàng năm các ngành ở các cơ sở đào tạo.

- Khen thưởng sinh viên có thành tích học tập giỏi, xuất sắc cuối năm học; Khen thưởng sinh viên có thành tích rèn luyện xuất sắc cuối năm học.

- Khen thưởng sinh viên có điểm học tập toàn khóa xếp hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Khen thưởng sinh viên có điểm bảo vệ Đồ án tốt nghiệp xếp hạng nhất, hạng nhì, hạng ba.

- Khen thưởng tập thể lớp sinh viên Tiên tiến, tập thể lớp sinh viên Xuất sắc. —

- Khen thưởng tập thể Ban cán sự lớp Xuất sắc, sinh viên là Ban cán sự lớp có thành tích xuất sắc; Khen thưởng Tập thể tổ chức Đoàn - Hội các cấp, sinh viên là cán bộ Đoàn - Hội trong Trường có nhiều đóng góp tích cực cho công tác Đoàn - Hội và phong trào sinh viên.

- Khen thưởng sinh viên/tập thể sinh viên đạt giải nghiên cứu khoa học các cấp.

### **10.5.2. Khen thưởng đột xuất/theo chương trình/sự kiện cụ thể**

- Khen thưởng sinh viên/tập thể sinh viên có thành tích tốt trong các kỳ Festival, Olympic, các cuộc thi chuyên ngành, học thuật, các hoạt động Văn - Thể - Mỹ mang tính đại diện cho Trường tham dự.

- Khen thưởng sinh viên/tập thể sinh viên có thành tích đóng góp tích cực cho các sự kiện, kế hoạch lớn do Nhà trường tổ chức.

- Khen thưởng sinh viên có các thành tích đặc biệt khác theo quy định của pháp luật Nhà nước về thi đua khen thưởng.

### **10.6. Môi trường học tập**

- Ngoài việc sinh viên được trang bị các kiến thức theo quy định của chương trình đào tạo các chuyên ngành, hàng năm Nhà trường còn tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều sân chơi học thuật trong và ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên cọ xát, thể hiện và áp dụng tài năng, kiến thức đã được học tập trên giảng đường.

- Với mạng lưới hợp tác doanh nghiệp rộng lớn, Nhà trường thường xuyên thực hiện các công việc tác hỗ trợ sinh viên như: giới thiệu thực tập chuyên ngành, tham quan thực tế tới các công ty, nhà máy sản xuất, việc làm thêm, việc làm chính thức sau khi tốt nghiệp.

## 11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024				
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30		
I	Tại Thành phố Hồ Chí Minh					1345	1571		1345	1429			
A	Chương trình chuẩn					1210	1410		1215	1254			
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	365	1	19,6	4	381	21,2		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		33			Giải 3 Tỉnh/TP	
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		379		56			4	24,53
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		2		92			6	17,78
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		27						

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024				
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30		
2	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	100	0	18,8	1	99	18,8		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		9			Giải 3 Tỉnh/TP	
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		88		50			18,8	
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		1		15			1	24,96
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		10		25			17,83	
3	7580302	Quản lý xây dựng	7580302	Quản lý xây dựng	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	75	0	20,5	1	74	22,5		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		6				
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		68		38				

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		0		11	3	24,73
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		9		19	1	18,2
4	7580101	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	210	0	22,18	2		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		19	20	Giải 3 Tỉnh/TP - NK 7,5
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		251		105	118	24,09
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		28		32	29	25,14
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		27		52	48	20,76

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
5	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	70	0	20,64	1		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		6		
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		58		35	52	23,12
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		7		11	11	23,49
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		7		17	9	19,86
6	7580102	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Kiến trúc cảnh quan	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	75	0	21,04	1		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		6	3	Giải 3 Tỉnh/TP - NK 5,5

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		67		38	54	23,4
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		4		11	9	24,24
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		8		19	12	20,09
7	7580108	Thiết kế nội thất	7580108	Thiết kế nội thất	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	75	0	21,77	1		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		00		6	8	Giải 3 Tỉnh/TP - NK 7,0
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		86		38	45	23,91
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		10		11	9	25,06
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh		17		19	16	20,5

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024				
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30		
					giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.								
8	7210110	Mỹ thuật đô thị	7210110	Mỹ thuật đô thị	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	50	0	20,57	1	44	22,76		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		5			Giải 3 Tỉnh/TP - NK 6,5	
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		47		7			6	23,05
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		3		12			2	19,77
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		6						
9	7210402	Thiết kế công nghiệp	7210402	Thiết kế	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	50	0	23,2	1				



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
				công nghiệp	303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		5	5	Giải 3 Tỉnh/TP - NK 9,0
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		42		25	30	24,72
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		5		7	7	25,05
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		7		12	8	21,37
10	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	100	0	24,43	1		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		9	7	Giải 2 Tỉnh/TP - NK 8,5
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		81		50	56	25,54



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
<b>B</b>	<b>Chương trình Định hướng Quốc tế</b>					<b>110</b>	<b>123</b>		<b>105</b>	<b>135</b>	
12	7580201QT	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	40	0	20,1	1		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.		0		3		
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		39		17	39	21,2
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		1		5		24,6
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		4		9	1	18,2
13	7580101QT	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	40		22,11	1		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.				3	3	Giải 3 Tỉnh/TP - NK 7,0

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		27		20	30	23,68
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		6		6	6	24,78
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		11		10	9	20,56
14	7580105QT	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	30		20,18	1		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.				3		
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		28		15	43	22,32
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		1		4	1	22,49
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh		6		7	3	18,81



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024				
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30		
					giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.								
<b>C</b>	<b>Chương trình tiên tiến</b>					<b>25</b>	<b>38</b>		<b>25</b>	<b>40</b>			
15	7580110	Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến)	7580110	Thiết kế đô thị	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	25	26	17,01	1				
				303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.							2		
				100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT							12	37	21,39
				200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)					0		4	1	22,66
				402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.					12		6	2	18,27
<b>II</b>	<b>Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ</b>					<b>130</b>	<b>24</b>		<b>130</b>	<b>123</b>			
16	7580201CT	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	40		19,6	1				

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	
				xây dựng	303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.				3			
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT		11		20	32	17,35	
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		0		6			
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		1		10			
17	7580101CT	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	50		22,18	1			
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.				5	1	Giải 3 Tỉnh/TP - NK 7,0	
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				6	25	43	22,78
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)				1	7	4	21,17

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		2		12	5	17,29
18	7580108CT	Thiết kế nội thất	7580108	Thiết kế nội thất	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	40	3	21,77	1		
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.				3		
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				20	36	21,81
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)				6	2	22,87
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.				10		
III	Tại Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt					80	7		80	59	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
19	7580201DL	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	30	5	19,6	1	3	15,95
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.				3		
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				0		
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)				0		
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.				0		
20	7580101DL	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc	301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	50	2	22,18	1	51	22,15
					303 - Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT.				5		
					100 - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				25		



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm trúng tuyển/30
					200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)		0		7	1	21,61
					402 - Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.		0		12	4	17,74
<b>TỔNG</b>						<b>1555</b>	<b>1597</b>		<b>1555</b>	<b>1611</b>	

**Cán bộ tuyển sinh**

TS. Trần Văn Phúc – Trưởng phòng Quản lý đào tạo

Điện thoại: 0967172905

Email: phuc.tranvan@uah.edu.vn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .29.. tháng 5 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH****CHỦ TỊCH****HIỆU TRƯỞNG****PGS.TS.KTS. Phạm Trọng Thuật**

Phụ lục 1

**ĐIỂM CỘNG ĐỐI VỚI THÍ SINH ĐẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI TỪ CẤP  
TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TRỞ LÊN  
(ĐIỂM THƯỜNG, ĐIỂM XÉT THƯỜNG)**

(Kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 - Hình thức đào tạo chính quy  
ban hành kèm theo Quyết định số 617/QĐ-HĐTS ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch  
Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Cấp	Giải thưởng	Điểm cộng
<b>I.</b>	<b>Điểm thưởng</b>		
1	Quốc tế	Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế; thí sinh trong đội tuyển Quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật Quốc tế	3,0
2	Quốc gia	Giải Nhất	3,0
3	Quốc gia	Giải Nhì	2,5
4	Quốc gia	Giải Ba	2,0
<b>II.</b>	<b>Điểm xét thưởng</b>		
5	Quốc gia	Giải Tư/Giải Khuyến khích	1,5
6	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Giải Nhất	1,5
7	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Giải Nhì	1,0
8	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Giải Ba	0,5



**Phụ lục 2**

**BẢNG QUY CHUẨN TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐỂ XÉT ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG THỨC 2 VÀ 3**

(Kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 - Hình thức đào tạo chính quy  
ban hành kèm theo Quyết định số 617/QĐ-HĐTS ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch  
Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
1	TOEFL iBT	94
2	IELTS	7.0 - 7.5
3	Cambridge Assessment English	C1 Advanced/C1 Business Higher/ Linguaskill. Thang điểm: 180 - 200
4	Aptis ESOL International Certificates	C1
5	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	76 - 84
6	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 490 Đọc: 455 Nói: 180 Viết: 180

**Phụ lục 3**

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC  
CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 KHUNG NĂNG LỰC  
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM DÙNG ĐỂ XÉT ĐẦU VÀO  
NGÀNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ**

(Kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 - Hình thức đào tạo chính quy  
ban hành kèm theo Quyết định số 617/QĐ-HĐTS ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch  
Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

<b>TT</b>	<b>Chứng chỉ /Văn bằng</b>	<b>Trình độ/Thang điểm</b>
1	TOEFL iBT	30 - 45
2	TOEFL ITP	450 - 499
3	IELTS	4.0 - 5.0
4	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159
5	Aptis ESOL International Certificates	B1
6	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	42 - 53
7	Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2
8	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149
9	Versant English Placement Test (VEPT)	43-66

Phụ lục 4

**BẢNG PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH**

(Kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 - Hình thức đào tạo chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-HĐTS ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục 5

**ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN**

(Kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2026 - Hình thức đào tạo chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 67./QĐ-HĐTS ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<b>Nhóm 1</b>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<b>Nhóm 2</b>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

<b>Đối tượng</b>	<b>Mô tả đối tượng, điều kiện</b>
	b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

